

Số: 425/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 22 tháng 3 năm 2019

## BÁO CÁO

### Tình hình sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại quý I và triển khai nhiệm vụ trọng tâm trong quý II năm 2019

#### I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

##### 1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

###### 1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 3/2019 tăng cao (+32,88%) so với tháng trước (Do tháng 2/2019 trùng vào dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi) và tăng 9,84% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 10,89%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,01%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 27,79%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,2% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2019, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 9,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 3,74%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,15%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 22,39%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,91% so với cùng kỳ năm trước.

###### 1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp trong tháng 3/2019 có mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 41,63%; điện sản xuất tăng 31,15%; quặng inmenit tăng 25,35%; điện thương phẩm tăng 23,73%; quặng zircon tăng 22,92%; quần áo may sẵn tăng 20,12%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Phân hóa học tăng 8,88%; dăm gỗ tăng 8,52%; ván ép tăng 7,78%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Tinh bột sắn giảm 26,33%; bia lon giảm 25,07%; sắn xe các loại giảm 25%; xi măng giảm 14,03%; nước hoa quả (nước tăng lực) giảm 4,23%; lốp xe các loại tăng 3,99% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 3 tháng đầu 2019, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước như: Phân hóa học tăng 44,96%; điện sản xuất tăng 37,5%; điện thương phẩm tăng 15,33%; quặng inmenit tăng 12,39%; quần áo may sẵn tăng 12,05%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Xi măng giảm 22,16%; sắn xe các loại giảm 19,35%; dầu nhựa thông giảm 18,14%; quặng zircon giảm 9,85%; lốp xe các loại giảm 6,18%; bia lon giảm 5,33%; tinh bột sắn giảm 5,05%; nước hoa quả (nước tăng lực) giảm 1,91% so với cùng kỳ năm trước.

## **2. Lĩnh vực thương mại**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 3/2019 ước đạt 2.556,28 tỷ đồng, tăng 0,29% so với tháng trước và tăng 13,3% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.204,25 tỷ đồng, giảm 0,59% so với tháng trước và tăng 13,96% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 180,42 tỷ đồng, tăng 9,94%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 1.533,07 tỷ đồng, tăng 14,45%; kinh tế tư nhân ước đạt 490,76 tỷ đồng, tăng 13,98% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 352,03 tỷ đồng, tăng 6,15% so với tháng trước và tăng 9,29% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 250,67 tỷ đồng, tăng 8,21%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 2,73 tỷ đồng, tăng 9,7%; dịch vụ khác ước đạt 98,63 tỷ đồng, tăng 12,11% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung ba tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 7.728,08 tỷ đồng, tăng 10,51% so với cùng kỳ năm trước, đạt 25,8% so với kế hoạch. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 6.705,61 tỷ đồng, tăng 10,51% và doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 1.022,47 tỷ đồng, tăng 10,53% so với cùng kỳ năm trước.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

### **1. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án**

- Ban hành và triển khai thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình công tác trọng tâm năm 2019 của Ban thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình hành động của UBND tỉnh tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ.

- Tham mưu công bố và triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến 2035 - Hợp phần 1; Đề xuất bổ sung quy hoạch các Dự án Nhà máy điện gió vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị. Tham mưu UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 131 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến 2030, tầm nhìn đến 2045; Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ tỉnh đến 2025.

- Hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh xem xét Quyết định thay thế Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh; Hoàn chỉnh hồ sơ và tổ chức lấy ý kiến tham gia đối với Quy định về thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực Dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

### **2. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công nghiệp**

- Tổng hợp tình hình thực hiện khuyến công cấp huyện trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các đề án khuyến công của tỉnh và quốc gia năm 2019; Báo cáo

tình hình sản xuất, kinh doanh rượu trên địa bàn tỉnh năm 2018; Hỗ trợ dự án đầu tư nhà máy sản xuất thép hợp kim và inox; Hỗ trợ nhà máy bia quốc tế TTC đẩy nhanh tiến độ đầu tư.

- Hướng dẫn UBND cấp huyện rà soát, khảo sát lập đề án bổ sung cụm công nghiệp, giải quyết các vướng mắc về quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp; Xây dựng Quy định mẫu về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp và Khuyến công cấp huyện.

- Nắm bắt tình hình sản xuất một số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn huyện Đánh giá công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp- làng nghề trên địa bàn năm 2018; Tiếp tục thực hiện Đề án củng cố, khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **3. Công tác quản lý lĩnh vực năng lượng và xúc tiến dự án đầu tư**

- Đánh giá tình hình triển khai Dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị 1; Đề xuất bổ sung quy hoạch Dự án Nhà máy điện gió, điện mặt trời vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị; Trình UBND tỉnh điều chỉnh công suất và tiến độ Dự án TBA 220kV Lao Bảo và Đường dây 220kV Đông Hà - Lao Bảo trong Tổng sơ đồ điện VII; Chủ trương xây dựng Đề án phát triển đường dây truyền tải điện 500kV Quảng Trị -Lào -Thái Lan.

- Tham mưu UBND tỉnh Dự thảo Quy định về "một cửa liên thông" trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp. Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1, Nhà máy nhiệt điện khí Gazprom tại Quảng Trị và các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức nghiệm thu, đóng điện hạng mục Cấp điện nông thôn xã Triệu Ái thuộc Dự án Cấp điện nông thôn giai đoạn 2014- 2020; Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư về Dự án cấp điện nông thôn năm 2018 và đăng ký cơ cấu vốn đầu tư kế hoạch năm 2019; Trình UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư: Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2015-2020 do EU tài trợ.

### **4. Công tác quản lý an toàn kỹ thuật và môi trường**

- Chỉ đạo tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, quản lý vật liệu nổ công nghiệp, an toàn điện, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trước, trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019; Phối hợp tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày nước thế giới; Hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất năm 2019.

- Tăng cường công tác kiểm tra đảm bảo an toàn điện trước Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019; Trình UBND tỉnh phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp các công trình thủy điện trên địa bàn huyện ĐaKrong và Hướng Hóa.

- Tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, vật liệu nổ công nghiệp; Chuẩn bị tổ chức đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

## **5. Công tác quản lý nhà nước về thương mại**

- Chủ trì, phối hợp nắm tình hình thị trường và các điểm bán hàng bình ổn giá; Triển khai công tác dự trữ hàng hóa phục vụ cân đối cung cầu, thị trường dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

- Tham mưu ban hành Kế hoạch công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2019; Tổ chức Lễ Mít tinh hưởng ứng "Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam" năm 2019; Trình ban hành Kế hoạch công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả của tỉnh năm 2019; Kế hoạch phát triển thương mại biên giới tỉnh đến năm 2020; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử 2019; Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh năm 2019; Hoàn chỉnh Đề án thuộc chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2019; Xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức hội chợ triển lãm trên địa bàn tỉnh năm 2019; Chuẩn bị tổ chức Hội chợ Thương mại và quảng bá du lịch Quảng Trị 2019.

- Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn Ban Hội nhập quốc tế về kinh tế tỉnh và Tổ giúp việc của Ban; Tăng cường công tác giám sát hoạt động tổ chức Hội nghị, hội thảo bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh. Khảo sát mặt bằng thực hiện Đề án Nhân rộng điểm trưng bày và giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

## **6. Công tác thanh tra, kiểm tra và pháp chế**

- Chỉ đạo tăng cường đợt cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019; Ban chỉ đạo 389/ĐP đã tích cực chỉ đạo công tác đấu tranh chống buôn lậu, vận chuyển, tàng trữ trái phép đối với vũ khí, chất nổ, pháo, đồ chơi kích động bạo lực.

- Ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2019; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch Phổ biến, giáo dục pháp luật; Kế hoạch triển khai công tác bồi thường Nhà nước; Kế hoạch thực hiện công tác pháp chế của Sở; Kế hoạch phòng, chống tham nhũng; Kế hoạch thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính của Sở năm 2019 và triển khai thực hiện.

- Tham mưu trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo yêu cầu của UBND tỉnh; Chấn chỉnh chấp hành thời gian làm việc sau dịp Tết Nguyên đán và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của cơ quan Sở.

## **7. Công tác tổ chức hành chính, nội vụ**

- Hoàn thành công tác sáp nhập các phòng chuyên môn và quy trình bổ nhiệm lại chức vụ trưởng, phó các phòng sau sáp nhập theo chỉ đạo UBND tỉnh; Hoàn thành các thủ tục chuyên nhiệm vụ xúc tiến thương mại và người làm việc sang Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thuộc Văn phòng UBND tỉnh; Xây dựng Đề án tổ chức lại và Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về tổ chức lại và đổi tên Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại thành Trung tâm Khuyến công & Tư vấn phát triển công nghiệp trình Sở Nội vụ thẩm định.

- Hoàn thành các báo cáo liên quan công tác nội vụ năm 2018 và xây dựng kế hoạch năm 2019; Hoàn thành công tác đánh giá, xếp loại công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Sở và cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Ban hành các Kế hoạch liên quan công tác nội vụ, cải cách hành chính, dân vận chính quyền và mua sắm, sửa chữa tài sản năm 2019.

- Ban hành Kế hoạch phát động đợt thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày lập lại tỉnh và 90 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam; Tổ chức làm việc tình nguyện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp vào ngày thứ bảy hàng tuần; Triển khai tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2019.

### **8. Công tác khác**

- Tổ chức Hội nghị cán bộ công chức, người lao động năm 2019; Tổ chức các hoạt động Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 lành mạnh, văn minh, an toàn, tiết kiệm. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2019 theo quy định. Tổ chức thực hiện trực Tết Nguyên đán, bảo vệ tài sản, an ninh; thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ tại cơ quan Sở.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành Công Thương năm 2018; Tham mưu UBND tỉnh chuẩn bị nội dung và tổ chức họp các Ban chỉ đạo do Sở Công Thương làm cơ quan thường trực. Chuẩn bị nội dung và làm việc với các huyện về phối hợp phát triển ngành công thương trên địa bàn năm 2019. Tổ chức kiện toàn các Ban Chỉ đạo, Hội đồng, Ban điều hành của Sở Công Thương.

### **III. Một số nhiệm vụ công tác trọng tâm quý II năm 2019**

- Tiếp tục triển khai các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình công tác trọng tâm năm 2019 của Ban thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình hành động của UBND tỉnh tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh về ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ.

- Hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành thủ tục để khởi công - hoàn thành các dự án năng lượng chào mừng kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh được UBND giao (theo Văn bản số 1026/UBND-CN ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh).

- Tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chuẩn bị nội dung làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình phát triển ngành Công Thương và các dự án trọng điểm của ngành. Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện than Quảng Trị 1, Nhà máy nhiệt điện khí Gazprom tại Quảng Trị; Tham mưu về việc đầu tư nhà máy sản xuất thép hợp kim và inox; Hỗ trợ nhà máy bia quốc tế TTC đẩy nhanh tiến độ đầu tư.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 131-CTHĐ/TU ngày 24/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến 2030, tầm nhìn đến 2045; Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ tỉnh đến 2025 sau khi được UBND tỉnh ban hành; Đề án củng cố, khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn UBND cấp huyện rà soát, khảo sát lập đề án bổ sung cụm công nghiệp, giải quyết các vướng mắc về quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp; Kiểm tra, rà soát, thẩm định các đề án khuyến công quốc gia và khuyến công tỉnh đợt 1 năm 2019.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức đoàn kiểm tra chuyên ngành trên các lĩnh vực: An toàn công nghiệp; an toàn thực phẩm; Vật liệu nổ công nghiệp; lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng. Triển khai Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh sau khi UBND tỉnh ban hành.

- Phối hợp triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh (bao gồm điện mặt trời) giai đoạn 2016 -2025 có xét đến 2035; Đôn đốc, hỗ trợ các nhà đầu tư tổ chức khởi công, hoàn thành các dự án trong năm 2019 chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày lập lại tỉnh Quảng Trị.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 2860/KH-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh về chuyển đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh. Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại biên giới tỉnh đến năm 2020; Triển khai công tác chuẩn bị tổ chức Hội chợ Thương mại và quảng bá du lịch năm 2019; Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại điện tử 2019; Đề án hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh năm 2019; Đề án Nhân rộng điểm trưng bày và giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Tham mưu nâng cao hiệu quả Tổ công tác Giám đốc Sở thực hiện kiểm tra các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì, thực hiện. Triển khai các hoạt động chào mừng kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh và 90 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam; Tổ chức làm việc tình nguyện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp vào ngày thứ bảy hàng tuần; Triển khai tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2019.

- Hoàn chỉnh Đề án và Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về kiện toàn tổ chức lại Trung tâm Khuyến công sau khi chuyển nhiệm vụ xúc tiến thương mại sang Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thuộc Văn phòng UBND tỉnh và trình Sở Nội vụ thẩm định.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong quý I năm 2019; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính (b/c);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Quang Vĩnh**

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị  
 Đơn vị nhận b/c: UBND tỉnh Quảng Trị;  
 Vụ Kế hoạch (BKT)



Biểu số 01/SCT-BCT  
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI Tháng 3 và 3 tháng năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	538	634	2087	506	1857	117,72%	125,32%	112,39%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	387,31	415	1339	338	1485	107,14%	122,92%	90,15%
3	Đá xây dựng	M3	40997	65998	143650	65423	120747	160,98%	100,88%	118,97%
4	Tinh bột sắn	Tấn	9139	9935	27683	13485	29156	108,71%	73,67%	94,95%
5	Bia lon	1000 lít	650	1100	3164	1468	3342	169,23%	74,93%	94,67%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	780	1200	3286	1253	3350	153,85%	95,77%	98,09%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	554,60	831	2138	692	1908	149,88%	120,12%	112,05%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	6772	10206	24300	7206	23832	150,70%	141,63%	101,97%
9	Dăm gỗ	Tấn	19514	33830	69433	31173	48868	173,36%	108,52%	142,08%
10	Ván ép	M3	15502	18500	53336	17165	52433	119,34%	107,78%	101,72%
11	Dầu nhựa thông	Tấn	51	70	176	65	215	137,25%	107,69%	81,86%
12	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	265	340	1007	386	1145	128,30%	88,08%	87,95%
13	Phân hoá học (NPK)	Tấn	3815	4500	16065	4133	11082	117,96%	108,88%	144,96%
14	Lốp xe các loại	1000 cái	181	200	597	208	636	110,50%	96,01%	93,82%
15	Săm xe các loại	1000 cái	349	375	1171	500	1452	107,45%	75,00%	80,65%
16	Xi măng	Tấn	13057	25600	52601	29777	67572	196,06%	85,97%	77,84%
17	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	177	335	753	331	739	189,38%	101,38%	101,97%
18	Điện sản xuất	Triệu KWh	45	80	165	61	120	177,78%	131,15%	137,50%
19	Điện thương phẩm	Triệu KWh	51	56	156	45	135	109,80%	123,73%	115,33%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
20	Nước máy	1000 m <sup>3</sup>	1166	1150	3254	997	3077	98,63%	115,37%	105,76%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2548,99	2556,28	7728,08	2256,30	6992,92	100,29%	113,30%	110,51%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2217,34	2204,25	6705,61	1934,19	6067,84	99,41%	113,96%	110,51%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	181,62	180,42	614,20	164,11	566,14	99,34%	109,94%	108,49%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	-	-	0,00	-	-	-	-	-
1,3	Kinh tế Cá thể	"	1544,03	1533,07	4688,88	1339,51	4227,26	91,29%	114,45%	110,92%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	491,70	490,76	1402,53	430,56	1274,45	99,81%	113,98%	110,05%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		331,65	352,03	1022,47	322,11	925,07	106,15%	109,29%	110,53%
2,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	236,14	253,40	730,78	234,13	662,03	107,31%	108,23%	110,39%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		233,45	250,67	722,51	231,64	654,50	107,37%	108,21%	110,39%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	2,69	2,73	8,27	2,49	7,53	101,70%	109,70%	109,83%
2,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	95,51	98,63	291,69	87,98	263,05	103,27%	112,11%	110,89%





SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/STCT

**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**Tháng 3 và 3 tháng năm 2019**

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 02/2019		Dự ước tháng 3/2019			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 3/2019 so với tháng 3/2018
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>106,79</b>	<b>105,36</b>	<b>141,90</b>	<b>132,88</b>	<b>109,84</b>	<b>109,25</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	60,03	96,41	74,32	123,80	110,89	103,74
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	107,21	103,21	146,80	136,93	106,01	107,15
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	134,22	118,79	169,59	126,35	127,79	122,39
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	113,90	100,93	113,58	99,71	112,20	104,91